



CÁC HỌC THUYẾT VỀ PHÁT TRIỂN - CƠ SỞ LÝ LUẬN ĐỂ XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH CƠ CẤU NGÀNH

Điểm khác nhau căn bản giữa học thuyết về tăng trưởng phát triển là các học thuyết phát triển đặt trọng tâm nghiên cứu các vấn đề về cơ cấu.

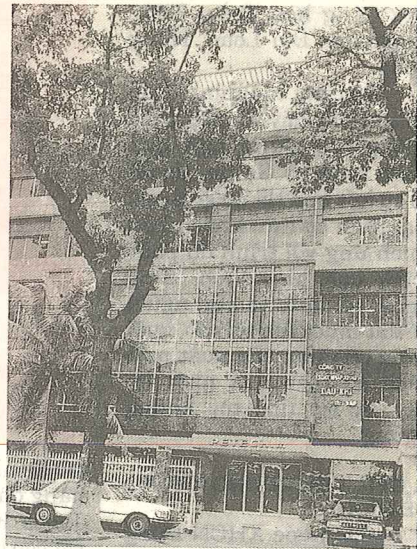
Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ điểm qua một số học thuyết phát triển có ảnh hưởng lớn đến chính sách cơ cấu ngành ở các nước, đặc biệt là các nước đang phát triển.

1. Học thuyết Mác-Lênin về phát triển

Mác là người đầu tiên phân tích quan hệ về cơ cấu giữa 2 khu vực sản xuất xã hội. Trong *Tư bản*, ông đã nêu

trở quyết định trong chính sách cơ cấu ngành ở Liên Xô và các nước XHCN trong mấy chục năm qua; góp phần tạo ra những thành công nhất định trong cải biến cơ cấu ngành, sử dụng lao động, phân bố lực lượng sản xuất theo lãnh thổ...

Sau thế chiến thứ II, đặc biệt là từ những năm 1960 tới nay, nhiều nhân tố mới đã nảy sinh; đặc biệt là dân số và nhu cầu tiêu dùng cá nhân tăng lên, khoa học bùng nổ, hợp tác quốc tế phát triển, tài nguyên có xu hướng cạn kiệt... Trong khi đó chính sách cơ cấu chậm được sửa đổi "thích ứng" để cân đối với cầu có hiệu quả; cộng với cơ chế tập trung bao cấp duy trì quá lâu, quá đậm đặc, sự vận dụng thiếu toàn diện các lý thuyết phát triển hiện đại đã làm khủng hoảng cơ cấu



CÁC HỌC THUYẾT PHÁT TRIỂN VỚI CHÍNH SÁCH CƠ CẤU NGÀNH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

VÕ XUÂN TÂM

GV. ĐHKT



lên vai trò của khu vực sản xuất tư liệu sản xuất (khu vực I) và những điều kiện trao đổi giữa 2 khu vực để tái sản xuất mở rộng thường xuyên và liên tục.

Tiếp thu học thuyết Mác, Lênin đã nhấn mạnh vai trò của thay đổi cấu tạo hữu cơ trong điều kiện tiến bộ khoa học kỹ thuật với sự biến đổi cơ cấu ngành. Ông đã nêu lên được thứ tự ưu tiên các nhóm ngành lớn, và vai trò cụ thể của một số ngành công nghiệp nặng (chế tạo, năng lượng...) trong việc biến đổi cơ cấu ngành, nâng cao hiệu quả sản xuất.

Học thuyết Mác-Lênin đã giữ vai

ngành ở một loạt nước XHCN. Tình hình đó không phải sai lầm của học thuyết Mác - Lênin mà là sai lầm trong vận dụng các học thuyết.

2. Mô hình suy diễn lịch sử của Rostow

Trong học thuyết của mình, tác giả đã phân chia lịch sử phát triển mỗi quốc gia đã và sẽ trải qua các giai đoạn: xã hội truyền thống cũ, chuẩn bị cất cánh, chín muồi về kinh tế, tiêu dùng hàng loạt.

Trong mỗi giai đoạn, tác giả đã nêu lên các đặc điểm kinh tế, xã hội và điều kiện ràng buộc phải giải quyết để chuyển sang giai đoạn sau.

Mô hình suy diễn lịch sử của Rostow đã cho ta thấy tầm quan trọng của "đánh giá thực trạng" của giai đoạn kinh tế và sự cần thiết phải giải quyết các mâu thuẫn chính yếu từng giai đoạn.

3. Lý thuyết nhị nguyên

Do Athus Lewis nêu lên, được John Fei và Gustab Ranis phát triển. Lý thuyết này bàn về sự phát triển ở các nước nghèo, có nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn.

Các tác giả cho rằng: để phát triển, vấn đề có tính quyết định là chuyển lao động nông nghiệp (vốn dư thừa, trình độ thấp) sang công nghiệp có năng suất cao. Điều kiện thực hiện là duy trì chế độ tiền lương thấp trong

công nghiệp để trợ giúp tích lũy, mở rộng sản xuất cho công nghiệp; tạo nên chu trình liên tục cho đến khi lao động nông nghiệp được sử dụng tương đối đầy đủ, công nông nghiệp phát triển cân đối, hiệu quả.

Vận dụng lý thuyết này, các nước đang phát triển gặp khó khăn là vốn đầu tư ban đầu thường thiếu để tạo ra điều kiện tối hạn của chu trình sử dụng lao động, phát triển công nghiệp.

4. Lý thuyết phát triển cân đối

Lý thuyết này cho rằng: trong quá trình vận động, các ngành khác nhau về đặc điểm vốn, nhân sự, thị trường... phải có sự liên kết với nhau qua thị trường, nhà nước cần tác động để nhiều ngành cùng phát triển, để cân đối với nhau.

Lý thuyết này đứng trên quan điểm thị trường "cạnh tranh hoàn toàn" để tiếp cận vấn đề cơ cấu; thực ra, trong điều kiện kém phát triển, thiếu vốn đầu tư ban đầu, nếu thị trường "tự do điều tiết" và nhà nước phải "nhẹ tay" (trong điều tiết) sẽ có tình trạng phân tán các nguồn lực, các điều kiện để chuyển giai đoạn không được thiết lập nhanh chóng.

5. Lý thuyết phát triển không cân đối

Lý thuyết này do Hirschman nêu lên năm 1959. Ông cũng cho rằng trong quá trình vận động các ngành không

trong đồng nhau về các điều kiện phát triển, vị trí của các ngành (sản phẩm) khác nhau đối với thực hiện các mục tiêu vĩ mô; vì vậy, trong giai đoạn nhất định, cần phải phát triển không cân đối bằng cách vừa coi trọng sự điều tiết của thị trường, đồng thời nhà nước phải có tác động dưới nhiều hình thức tập trung vốn, nhân lực phát triển các ngành giữ vai trò "cực phát triển" để tạo nên sức ép phát triển về hai phía "hương lưu" và "hạ lưu".

Vấn đề quan trọng khi vận dụng thuyết này là chọn đúng "cực phát triển"; nếu ngược lại, sẽ lãng phí không ít tiền của mà cả sự trễ hẹn với thời gian.

Hai lý thuyết cân đối và không cân đối nếu kết hợp trong một giai đoạn chiến lược sẽ có những bổ sung cho nhau, rất bổ ích trong xây dựng chiến lược cơ cấu vĩ:

- Trên phạm vi tổng thể và dài hạn, phải phát triển cân đối để nâng cao hiệu quả sản xuất, tiêu dùng; sử dụng các lợi thế, tăng cường công việc làm...

- Trong ngắn hạn, trung hạn có thể chấp nhận mất cân đối bằng cách phát triển nhanh một số ngành để thỏa mãn sức cầu, kích thích xu hướng cầu, tạo cơ sở đón đầu sự phát triển trong dài hạn.

- Trên phạm vi vĩ mô phải bảo đảm cân đối tổng thể qua cân bằng bởi thị trường. Trong phạm vi từng ngành, ngành chính sách quản lý, điều tiết, nhà nước có thể và cần phải tạo nên "mất cân đối" ở mức độ cần thiết, tạo ra lợi thế tương quan cho một số ngành để phát triển nhanh.

- Có thể phát triển nhanh một số ngành hướng ra thị trường ngoài nước, qua đó nhập khẩu, tăng tích lũy để tái đầu tư nhằm vào phát triển "cân đối" lâu dài.

3. Lý thuyết về phát triển kinh tế ở châu Á mùa

Lý thuyết này do nhà kinh tế Huary. T. Oshima nêu lên. Theo tác giả, các mô hình thị trường và các mô hình cân đối, không cân đối, có hạn chế là chưa chú ý đến đặc điểm tự nhiên, liên tưởng thiếu lao động nông nghiệp trong thời vụ đỉnh cao, và sự cần thiết của đa dạng hóa trong nông nghiệp.

Để phát triển, các nước châu Á gió mùa cần giải quyết các vấn đề theo trình tự nhất định:

- Giữ nguyên lao động trong nông nghiệp, tạo thêm hoạt động sản xuất trong thời kỳ nhàn rỗi để tăng sức cầu cho nông nghiệp bằng các hoạt động đầu tư của nhà nước: thủy lợi, giao thông... Đến lượt nó, đầu tư nhà nước lại tăng việc làm cho nông dân.

- Đa dạng hóa sản xuất để ổn định và tăng thu nhập cho nông dân do tính thời vụ và tính phức tạp của thời tiết. Qua đó mở rộng thị trường cho nông

nghiệp.

- Nhờ cả hai hoạt động trên với các hình thức, bước đi, nông nghiệp được thị trường hóa, lao động nông nghiệp, nông thôn được phân bổ lại; tăng lao động trong tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn, chuyển một bộ phận lao động nông nghiệp sang các ngành khác.

- Nhờ thị trường hóa sản xuất và lao động nông nghiệp, giá cả sức lao động tăng lên, qua thời gian công nông nghiệp được phát triển cân đối.

Đây là lý thuyết phát triển mong muốn áp dụng cho các nước châu Á gió mùa. Trọng tâm nghiên cứu là sự chuyển biến từ nông nghiệp do những đặc điểm riêng của nó, không thể phát triển nhanh công nghiệp như mô hình thị trường.



III NHỮNG YÊU CẦU CƠ BẢN CẦN THỂ HIỆN TRONG CHÍNH SÁCH CƠ CẤU NGÀNH Ở VIỆT NAM

Trên cơ sở các học thuyết về phát triển có thể rút ra một số kết luận cần được thể hiện trong chính sách cơ cấu ngành hiện nay ở nước ta.

1. Để xây dựng cơ cấu kinh tế (và cơ cấu ngành nói riêng) phải đánh giá được thực trạng và "giai đoạn kinh tế" của đất nước để xây dựng hệ quan điểm về tăng trưởng phát triển với các mục tiêu và điều kiện ràng buộc phải có.

2. Cơ cấu ngành với trọng tâm ưu tiên của nó liên quan đến tích lũy tiêu dùng và ngược lại. Trong một nền kinh tế tự cung tự cấp, mang nặng dấu ấn cổ truyền, việc phát triển các ngành trực tiếp liên quan đến tiêu dùng (nông nghiệp, công nghiệp nhẹ) là cần thiết để thỏa mãn sức cầu tiêu dùng, ổn định kinh tế - xã hội, kéo theo đa dạng hóa sản xuất và liên kết kinh tế, không quan niệm giản đơn là muốn phát triển, tích lũy phải ưu tiên cho công nghiệp nặng.

3. Tốc độ, tỷ lệ là hai mặt biểu hiện chính sự vận động của cơ cấu. Trong từng thời hạn có thể nhấn mạnh mặt này hoặc mặt kia, điều đó do tính quy định của các nhân tố bên trong và bên ngoài tác động đến nền kinh tế. Trong chính sách cơ cấu, ở giai đoạn

đầu công nghiệp hóa thường nhấn mạnh vấn đề tốc độ để tăng nhanh của cải, sử dụng nhiều lao động nhằm ổn định kinh tế - xã hội, tạo ra tích lũy ban đầu.

4. Công việc làm là vấn đề kinh tế, xã hội cần quan tâm giải quyết. Tăng việc làm đến lượt nó là nhân tố mở rộng cầu; định hướng, mở đường cho sản xuất. Chính sách cơ cấu khuyến khích sử dụng lao động giữ vị trí trung tâm trong các chính sách sử dụng nguồn trong thời kỳ công nghiệp hóa.

5. Tự nhiên là những nhân tố phi kinh tế ảnh hưởng rất lớn đến chính sách cơ cấu. Mỗi bước đi trong chính sách cơ cấu phải chứa đựng vấn đề sử dụng đúng và hiệu quả dự trữ tự nhiên, truyền thống tập quán, hoặc bỏ dần các nhân tố hạn chế sự phát triển, chứ không đơn giản là các biện pháp tình thế bên ngoài.

6. Đầu tư là chìa khóa cho sự phát triển. Lựa chọn đúng lĩnh vực (ngành), vùng đầu tư sẽ nhanh chóng tạo ra sự phát triển, thiết lập được các quan hệ liên ngành tiến bộ. Trong điều kiện nền kinh tế kém phát triển đầu tư nhà nước phải thâm nhập nhanh, liên kết, kéo theo đầu tư của các doanh nghiệp, hộ gia đình, tạo ra trên thực tế cái "cực phát triển".

7. Cơ cấu ngành hình thành sự vận động là kết quả, hợp lực của nhiều nhân tố về phía cung, phía cầu, từ phía quản lý của nhà nước. Để lượng hóa (trong phạm vi cần thiết, cho phép) cơ cấu ngành trong từng thời kỳ phù hợp với các yêu cầu trên, phải phân tích, đánh giá, xác định mối liên hệ giữa các nhân tố: nhu cầu tiêu dùng cuối cùng; số lượng, chất lượng của dự trữ; truyền thống, tập quán sản xuất, tiêu dùng; số lượng dân cư; khoa học kỹ thuật và đầu tư cơ bản; hiệp tác quốc tế... ♣

Tài liệu tham khảo chính

- Huary. T. Oshima Malcolm Gillis, *Kinh tế học của sự phát triển*, Hà Nội, 1990.

- *Tăng trưởng Kinh tế ở châu Á gió mùa*, Ủy ban KHXH Viện châu Á-Thái Bình Dương, Hà Nội, 1989.

- Geranrd Créllet, *Cơ cấu và chiến lược kinh tế*, Viện nghiên cứu kinh tế trung ương, Hà Nội, 1989.

- "Kinh tế xã hội Việt Nam năm 2000: Mục tiêu, phương hướng chủ yếu", Tạp chí Kế hoạch hóa, Hà Nội, 1990.

Đính chính

Ban biên tập xin đính chính trong tạp chí số 33 (tháng 7/93) như sau:

1. Trang 22, cột 3 dòng 25 (từ dưới lên), xin đọc lại là: "Cần sửa đổi nhanh chóng HTKKKT, thống nhất cho phù hợp với nền kinh tế thị trường."

2. Trang 29, cột 2 (từ dưới lên), xin đọc thêm là: "c. Các cân đối phản ánh cơ cấu (dài hạn) của nền kinh tế: cơ cấu ngành, thành phần kinh tế, cân đối vùng lãnh thổ, các khu vực sản xuất."

Xin thành thật cáo lỗi cùng tác giả Nguyễn Việt, Võ Xuân Tâm và độc giả.

PTKT